

Số: 16.Q. /QĐ-ĐHKG

Kiên Giang, ngày 04.. tháng ..5... năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi bảng đánh giá công tác Cố vấn học tập

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 476/QĐ-ĐHKG ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và công tác đánh giá Cố vấn học tập tại Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1233/QĐ-ĐHKG ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Công tác Sinh viên và Kết nối Cộng đồng, Trường Đại học Kiên Giang;

Theo Đề nghị của Trưởng phòng Phòng Công tác Sinh viên và Kết nối Cộng đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Bảng đánh giá công tác Cố vấn học tập (phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo Phòng Công tác Sinh viên và Kết nối Cộng đồng, Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Lãnh đạo các đơn vị, Cố vấn học tập, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu (b/c);
- Lưu: VT, CTSV&KNCD.



Nguyễn Văn Thành



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 160/QĐ-ĐHKG ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI CÔNG TÁC CỐ VẤN HỌC TẬP

Năm học: 20.....-20.....

Họ và tên:

Lớp CVHT: Khoa:

STT	Nội dung đánh giá	Mức điểm	CVHT đánh giá	Khoa đánh giá
1. Công tác quản lý sinh viên (Tối đa 30 điểm)				
1.1	Triển khai, hướng dẫn sinh viên nắm vững các Quy chế và Quy định của Bộ và của Trường	5		
1.2	Tổ chức sinh hoạt lớp ít nhất 1 lần/tháng (có minh chứng)	12		
1.3	Không có sinh viên bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên	5		
1.4	Tuyên truyền cho sinh viên trong lớp tham gia bảo hiểm y tế đạt:			
	Đạt 100%	15		
	Từ 90% trở lên	10		
	Từ 80% đến dưới 90%	8		
	Từ 70% đến dưới 80%	4		
1.5	Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, đúng hạn (1 tháng/1 lần)	12		
Cộng mục 1		30		
2. Kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên (Tối đa 50 điểm)				
2.1 Kết quả học tập theo năm học của sinh viên trong lớp xếp loại Trung bình trở lên:				
2.1.1. Đối với sinh viên năm thứ nhất				
	Từ 20% trở lên; kê khai:%	20		
	Từ 10% trở lên kê khai:%	10		
	Từ 5% trở lên kê khai:%	5		
2.1.2. Đối với sinh viên các năm còn lại:				
	Từ 80% trở lên; kê khai:%	20		
	Từ 50% trở lên kê khai:%	10		
	Từ 30% trở lên kê khai:%	5		
2.2. Kết quả rèn luyện theo năm học của sinh viên trong lớp xếp loại Trung bình trở lên:				
	Từ 95% trở lên; kê khai:%	20		
	Từ 80% trở lên; kê khai:%	10		
	Từ 70% trở lên; kê khai:%	5		
2.3. Tỷ lệ sinh viên bị buộc thôi học:				
2.3.1. Đối với sinh viên năm nhất				
	Dưới 5%; kê khai:%	30		
	Dưới 6%; kê khai:%	10		
	Dưới 7% kê khai:%	5		
2.3.2. Đối với sinh viên các năm còn lại				
	Dưới 2%; kê khai:%	30		
	Dưới 3%; kê khai:%	10		
	Dưới 4% kê khai:%	5		
Cộng mục 2		50		

3. Kết quả tham gia các hoạt động phong trào của sinh viên (Tối đa 20 điểm)			
3.1	Có sinh viên trong lớp thực hiện nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp,...	10	
3.2	Tổ chức hoạt động ngoại khóa, về nguồn, các hoạt động tình nguyện, vì lợi ích cộng đồng (có minh chứng)	5đ/ lần	
3.3	Vận động sinh viên tham gia hiến máu tình nguyện đạt từ 30%/tổng số sinh viên trở lên	5	
Cộng mục 3		20	
Tổng cộng (1 + 2 + 3)		100	

	Cố vấn học tập	Xác nhận của Lãnh đạo Khoa
Tổng điểm		
Xếp loại		
Chữ ký		
Họ và tên		

Ghi chú:

Tổng điểm đánh giá: < 60 điểm không hoàn thành nhiệm vụ; 60 - 79 điểm hoàn thành nhiệm vụ; 80 - 89 điểm hoàn thành tốt nhiệm vụ; 90 - 100 điểm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

